

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP

TRUONG THANH ENERGY GROUP

JOINT STOCK COMPANY

Số: 89/2026/CV-TEG

No: 89/2026/CV-TEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hanoi, 28th August, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: - The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group

Organization name: Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: TEG

Stock code: TEG

- Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: Floor 4, Sun Grand City Ancora Residence building, No. 03 Luong Yen street, Hai Ba Trung ward, Hanoi city, Vietnam.

- Điện thoại/Telephone: (024) 35.599.599 Fax: (024) 38.398.974

- E-mail: vp@ttvngroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of disclosed information:

Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2026.

Separate financial report for the first 6 months of 2026.

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026.

Consolidated financial statements for the first 6 months of 2026.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025.



Explanation of the Difference in Profit After Tax in the Separate Financial Statements for the First Six Months of 2026 Compared to the Same Period 2025.

Giải trình chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026.

Explanation of the Variance in Profit After Tax Before and After Audit and Retrospective Adjustment of Opening Balances in the Separate Financial Statements for the First Six Months of 2026.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Explanation of the difference in profit after tax on the Consolidated Financial Statements for the first six months of 2026 compared to the same period of 2025.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước – sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ.

Explanation of the difference in profit after tax for the first six months of 2026 on the Consolidated Financial Statements before – after audit and retrospective adjustment to the opening figures.

Giải trình thay đổi từ lỗ thành lãi kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước và sau kiểm toán

Explanation of the Change from Loss to Profit in the First Six Months of 2026 between the Consolidated Financial Statements Before and After Audit.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://tteg.vn>.

This information was published on the Company's website on August 28, 2026, at the following link: <https://tteg.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm

Attached Documents

- Các tài liệu liên quan đến nội dung CBTT.

Documents Related to the Content of Information Disclosure.

Đại diện tổ chức

Representative of the Organization

Người đại diện theo pháp luật

Legal Representative



CHỦ TỊCH HĐQT
Dặng Trung Kiên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	13 - 38

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 25 lần. Trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi tên Công ty và ngành nghề kinh doanh chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0242 242 5995

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: vận hành, bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời; cung cấp dịch vụ tư vấn; và đầu tư tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Bích Thuý	Trưởng ban
Bà Lê Thuý Linh	Thành viên
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên

Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-TEG ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thừa Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 của báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó trình bày việc Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2026. Kết luận soát xét của chúng tôi không thay đổi do vấn đề này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.999.883.004	207.460.677.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	419.600.453	3.012.935.438
1. Tiền	111		419.600.453	3.012.935.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.125.919.999	55.042.315.068
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	109.125.919.999	55.042.315.068
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.304.842.945	147.242.563.050
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	100.611.937.365	99.529.364.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.544.472.520	42.542.765.353
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	5.148.433.060	5.170.433.060
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.149.519.607	2.162.864.408
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		36.128.511	50.178.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.6	2.113.391.096	2.112.686.301

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		995.553.926.974	1.032.278.395.390
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.550.000	1.450.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		1.550.000	1.450.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.378.447.527	5.786.372.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.378.447.527	5.786.372.797
- Nguyên giá	222		9.085.377.551	10.503.912.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.706.930.024)	(4.717.539.299)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		989.875.785.307	1.026.034.438.599
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	611.531.810.800	611.531.810.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	19.200.000.000	58.852.700.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	388.195.570.000	385.939.570.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(29.051.595.493)	(30.289.642.201)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		298.144.140	456.133.994
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		298.144.140	456.133.994
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.255.553.809.978	1.239.739.073.354

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.559.878.651	9.630.632.028
I. Nợ ngắn hạn	310		7.947.878.651	7.583.632.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.992.619.815	4.880.462.789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.9	1.354.365.609	875.147.633
5. Phải trả người lao động	315		636.024.315	561.460.610
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		3.978.533	2.895.123
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.10	525.296.865	393.665.873
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.11a	1.435.593.514	870.000.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.612.000.000	2.047.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.11b	1.612.000.000	2.047.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	1.245.993.931.327	1.230.108.441.326
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		3.467.545.239	3.467.545.239
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.460.766.088	18.575.276.087
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		18.575.276.087	18.575.276.087
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		15.885.490.001	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.255.553.809.978	1.239.739.073.354

Người lập biểu



Bùi Thanh Thanh Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vy

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUO Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc


Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.288.484.848	13.698.611.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.288.484.848	13.698.611.314
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.737.008.360	10.207.341.854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.551.476.488	3.491.269.460
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	18.896.685.660	6.342.879.039
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	(1.110.237.849)	2.102.019.981
Trong đó: chi phí đi vay	24		127.808.859	389.750.217
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.081.599.194	5.373.012.191
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.476.800.803	2.359.116.327
12. Thu nhập khác	31	VI.6	280.909.091	106
13. Chi phí khác	32		13.622.984	259.721.911
14. Lợi nhuận khác	40		267.286.107	(259.721.805)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.744.086.910	2.099.394.522
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	1.858.596.909	521.379.695
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.885.490.001	1.578.014.827
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUO Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa Vy



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.744.086.910	2.099.394.522
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	407.925.270	407.925.267
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	(1.238.046.708)	1.712.269.764
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(143.220)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(19.177.594.751)	(6.342.735.819)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	127.808.859	389.750.217
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.135.820.420)	(1.733.539.269)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.072.584.690)	2.706.427.801
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(525.558.617)	(239.279.345)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		172.039.450	319.196.252
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(126.725.449)	(449.832.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(1.535.468.593)	(350.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.224.118.319)	252.973.381
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		280.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	(24.790.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.256.000.000)	(25.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.301.000.000	45.652.999.982
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		174.280.729	1.504.459.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.500.189.820	(2.832.540.895)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.11	565.593.514	5.659.685.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.11	(435.000.000)	(4.064.469.260)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		130.593.514	1.595.216.505
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.593.334.985)	(984.351.009)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.012.935.438	2.438.142.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	143.220
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	419.600.453	1.453.934.823

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUQ Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Bùi Thanh Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa Vy

Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ; quản lý vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và cung cấp dịch vụ quản trị, hỗ trợ điều hành chung cho các đơn vị thành viên.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: vận hành, bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời; Cung cấp dịch vụ tư vấn; và đầu tư tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Onsen Hội Vân ⁽ⁱ⁾	Thôn Hội Vân, Xã Hoà Hội, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	65,75%	65,75%	60,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư tài chính (mua bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp)	92,11%	92,11%	92,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 1, Lô DVCC1-1, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty mới thành lập, chưa đi vào hoạt động	2,02%	2,02%	50,50%

⁽ⁱ⁾ Tỷ lệ quyền biểu quyết khác tỷ lệ vốn góp do các thành viên còn lại của Công ty con chưa góp đủ vốn theo cam kết góp vốn.

⁽ⁱⁱ⁾ Tỷ lệ quyền biểu quyết khác tỷ lệ vốn góp do Công ty chưa thực hiện góp đủ vốn theo số vốn đã cam kết (xem thuyết minh V.2b)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh có trụ sở chính tại Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này trong kỳ là tiếp tục đầu tư dự án.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 48,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 38 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 34 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "TEG" theo Quyết định số 497/QĐ-SGDHCM ngày 28/12/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09/03/2018. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc của kỳ kế toán là 120.806.562 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn liên quan đến phải thu chuyển nhượng cổ phần: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Công ty là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC mà Công ty tham gia chỉ bao gồm BCC không đồng kiểm soát, trong đó, Công ty là bên góp vốn và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Khoản góp vốn BCC này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính và được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Công ty có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh số IV.3).

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Công ty không phát sinh chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa trong kỳ.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty con, công ty liên kết của các cổ đông này.
- Công ty con, công ty liên kết của Công ty.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.962.146	23.562.146
Tiền gửi không kỳ hạn	413.638.307	2.989.373.292
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	407.036.138	2.986.682.131
- Các ngân hàng, tổ chức khác	6.602.169	2.691.161
Cộng	419.600.453	3.012.935.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản cho vay và lãi phải thu tương ứng, bao gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Ông Dương Anh Nam ⁽ⁱ⁾	20.257.589.041	-	19.364.000.000	-
- Gốc	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
- Lãi	2.257.589.041	-	1.364.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ ⁽ⁱⁱ⁾	37.340.111.780	-	35.678.315.068	-
- Gốc	32.740.000.000	-	32.740.000.000	-
- Lãi	4.600.111.780	-	2.938.315.068	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱⁱⁱ⁾ – Bên liên quan	51.528.219.178	-	-	-
- Gốc	51.500.000.000	-	-	-
- Lãi	28.219.178	-	-	-
Cộng	109.125.919.999	-	55.042.315.068	-

- (i) Cho Ông Dương Anh Nam vay theo Hợp đồng ngày 06/03/2024, số tiền 18.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm đến trước ngày 01/04/2026 và 12%/năm từ ngày 01/04/2026. Khoản vay đã được tái tục đến ngày 06/03/2027 và được bảo đảm bằng 1.800.000 cổ phần thuộc sở hữu của ông Trần Kim Tuyến tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Nam Minh.
- (ii) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ vay theo Hợp đồng ngày 02/01/2025 và các phụ lục, hạn mức 50.000.000.000 VND, thời hạn 01 năm, lãi suất 10%/năm đến trước ngày 01/04/2026 và 12%/năm từ ngày 01/04/2026. Khoản vay đã được tái tục đến ngày 03/01/2027 và được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan).
- (iii) Cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (bên liên quan) vay theo Hợp đồng ngày 29/06/2026, hạn mức 100 tỷ VND, lãi suất 10%/năm, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhằm bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 29/06/2026, Công ty đã chuyển đổi khoản phải thu khách hàng 33.500.000.000 VND thành khoản cho vay (xem Thuyết minh V.3) và giải ngân bổ sung 18.000.000.000 VND.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay trên cơ sở khả năng thanh toán của bên vay, thời hạn thu hồi và các tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh có liên quan.

Dự phòng cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty đánh giá các khoản cho vay này có khả năng thu hồi đầy đủ và không phải trích lập dự phòng tổn thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	611.531.810.800	(2.901.923.873)	611.531.810.800	(4.141.792.521)
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	496.281.310.800	-	496.281.310.800	-
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	115.200.000.000	(2.901.923.873)	115.200.000.000	(4.141.792.521)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GIP	50.500.000	-	50.500.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	19.200.000.000	(172.277.599)	58.852.700.000	(170.455.659)
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh	19.200.000.000	(172.277.599)	19.200.000.000	(170.455.659)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	-	-	39.652.700.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	388.195.570.000	(25.977.394.021)	385.939.570.000	(25.977.394.021)
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	300.689.580.000	(17.006.873.774)	300.689.580.000	(17.006.873.774)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	40.249.990.000	(8.970.520.247)	40.249.990.000	(8.970.520.247)
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	47.256.000.000	-	45.000.000.000	-
Cộng	1.018.927.380.800	(29.051.595.493)	1.056.324.080.800	(30.289.642.201)

Chi tiết số lượng cổ phần/ phần vốn góp do Công ty sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	41.450.000 CP	92,11%	41.450.000 CP	92,11%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	115,2 tỷ VND	65,75%	115,2 tỷ VND	65,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GIP	5.050 CP	2,02%	5.050 CP	2,02%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	-	-	2.410.000 CP	30,125%
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh	1.920.000 CP	48,00%	1.920.000 CP	48,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	15.034.479 CP	19,99%	15.034.479 CP	19,99%
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	4.024.999 CP	19,999995%	4.024.999 CP	19,999995%
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà (*)	47,256 tỷ VND		45 tỷ VND	

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/12/2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà ("Duyên Trà"), Công ty cam kết góp 90.000.000.000 VND để cùng phát triển Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3 mở rộng) tại xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long, thời hạn hợp tác 05 năm. Khoản hợp tác được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan). BCC do Duyên Trà quản lý, điều hành; Công ty không có quyền đồng kiểm soát và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Tỷ lệ góp vốn của Công ty vào dự án sẽ được các bên thống nhất sau khi tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, BCC này đang trong giai đoạn khảo sát, nghiên cứu, chưa triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thanh lý Công ty liên kết trong kỳ

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2026/NĐ-HĐQT ngày 26 tháng 06 năm 2026, Công ty đã chuyển nhượng 2.410.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (sau đây gọi tắt là “cổ phần 108 Trường Thành”) cho Ông Đỗ Văn Quang với giá chuyển nhượng 55.791.500.000 VND (23.150 VND/cổ phần), lãi 16.138.800.000 VND (thuyết minh VI.3). Sau khi thực hiện giao dịch này, Công ty không còn sở hữu cổ phần 108 Trường Thành.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần sang cho người mua.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết trong kỳ

Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Công ty TNHH Onsen Hội Vân đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Các đơn vị còn lại hiện chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có doanh thu trong năm.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	30.289.642.201	12.449.700.430
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(1.238.046.708)	1.712.269.764
Số cuối kỳ	29.051.595.493	14.161.970.194

Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Do đó, Công ty chưa có đầy đủ thông tin để ước tính khoản dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi Công ty có đầy đủ thông tin.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

Cam kết góp vốn

	Tổng vốn cam kết góp	Số còn phải góp tại 30/06/2026	Ghi chú
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GIP	2.525.000.000	2.474.500.000	Góp theo tiến độ huy động của GIP
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	90.000.000.000	42.744.000.000	Góp theo tiến độ Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan về hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	11.424.437.347	-	8.332.364.619	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	5.452.291.892	-	5.452.291.892	-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	5.089.745.455	-	2.544.872.727	-
Công ty TNHH Onsen Hội Vân	882.400.000	-	335.200.000	-
Phải thu bên liên quan về chuyển nhượng cổ phần	11.200.000.000	-	45.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ("Trường Thành Land") ⁽ⁱ⁾	-	-	34.600.000.000	-
Ông Lê Hoàng Bảo ⁽ⁱⁱ⁾	11.200.000.000	-	11.200.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác về chuyển nhượng cổ phần⁽ⁱⁱ⁾	77.987.500.018	-	45.397.000.018	-
Ông Phạm Tiến Quân	26.712.000.018	-	29.187.000.018	-
Ông Lê Quốc Cường	14.104.000.000	-	16.210.000.000	-
Ông Đỗ Văn Quang	37.171.500.000	-	-	-
Cộng	100.611.937.365	-	99.529.364.637	-

⁽ⁱ⁾ Phải thu theo Hợp đồng ngày 30/12/2025 về việc chuyển nhượng cổ phần 108 Trường Thành. Trong kỳ, Trường Thành Land đã thanh toán thêm cho Công ty 1.100.000.000 VND, phần còn lại được hai bên thống nhất chuyển thành khoản cho vay từ ngày 29/6/2026 (xem thuyết minh V.2a).

⁽ⁱⁱ⁾ Các khoản phải thu cá nhân về chuyển nhượng cổ phần, chi tiết như sau:

Tên cá nhân	Ngày hợp đồng chuyển nhượng	Loại cổ phần chuyển nhượng	Thời hạn thanh toán
Ông Phạm Tiến Quân	25/12/2024	3.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	Trong vòng 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 25/09/2026
Ông Lê Hoàng Bảo	05/06/2024	2.000.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; gia hạn chậm nhất đến ngày 06/07/2027
Ông Lê Quốc Cường	26/06/2025	950.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 22/04/2027
Ông Đỗ Văn Quang	26/06/2026	2.410.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần đã chuyển nhượng cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

Từ ngày 01/07/2026 đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, các khách hàng mua cổ phần đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 200.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	41.230.000.000	41.230.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41.230.000.000	41.230.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.314.472.520	1.312.765.353
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Dacenco ⁽ⁱⁱ⁾	1.164.817.065	1.164.817.065
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Khôi	-	-
Trả trước cho người bán khác	149.655.455	147.948.288
Cộng	42.544.472.520	42.542.765.353

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng ngày 30/01/2024 để nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP"). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, số cổ phần này chưa được B.Grimm giải chấp, TTVN và B.Grimm đang tiếp tục làm việc về việc giải chấp và chuyển nhượng cổ phần cho Công ty nhưng chưa đạt được thỏa thuận cuối cùng.
- (ii) Khoản ứng trước theo Hợp đồng thi công ngày 19/05/2022 về việc thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu biệt thự nghỉ dưỡng Bãi Xếp tại Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Thời gian khởi công là ngày 25/5/2022. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự án đang trong giai đoạn tái khởi động lại.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Vương Thành Nam - Lãi tiền gửi ủy thác đầu tư ⁽ⁱ⁾	2.353.041.096	-	2.373.041.096	-
Ký cược, ký quỹ	10.150.000	-	10.150.000	-
Tạm ứng	2.709.782.443	-	2.711.782.443	-
Trần Nguyễn Anh Tuấn ⁽ⁱⁱ⁾	1.621.782.443	-	1.621.782.443	-
Nguyễn Thị Quỳnh Anh ⁽ⁱⁱ⁾	1.055.000.000	-	1.055.000.000	-
Cá nhân khác	33.000.000	-	35.000.000	-
Phải thu khác	75.459.521	-	75.459.521	-
Cộng	5.148.433.060	-	5.170.433.060	-

- (i) Khoản phải thu phát sinh từ các khoản ủy thác đầu tư phát sinh và được thu hồi trong năm 2025. Các khoản lãi sẽ được bên nhận ủy thác thanh toán trong quý IV năm 2026.
- (ii) Tạm ứng cho ông Trần Nguyễn Anh Tuấn, mục đích phục vụ dự án O&M Hòa Hội và bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, mục đích phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Nhà máy điện gió V3-6. Các khoản này chưa được hoàn ứng trong kỳ, do chưa hoàn thành công tác khảo sát và chưa lập báo cáo đánh giá tính khả thi của Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), lãi suất 4,5%/năm, được cầm cố để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Công ty tại BIDV, bao gồm nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời Hòa Hội với Công ty Cổ phần TTP Phú Yên - Chi nhánh Phú Yên đến ngày 30/06/2027.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi có số dư gốc và lãi dự thu lần lượt là 2.100.000.000 VND và 13.391.096 VND (Số đầu năm: 2.100.000.000 VND và 12.686.301 VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.466.412.096	37.500.000	10.503.912.096
Thanh lý, nhượng bán (*)	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	9.047.877.551	37.500.000	9.085.377.551
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	889.372.273	37.500.000	926.872.273
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	4.680.039.299	37.500.000	4.717.539.299
Khấu hao trong kỳ	407.925.270	-	407.925.270
Thanh lý, nhượng bán (*)	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	3.669.430.024	37.500.000	3.706.930.024
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.786.372.797	-	5.786.372.797
Số cuối kỳ	5.378.447.527	-	5.378.447.527
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

(*) Trong kỳ, Công ty đã thanh lý Xe ô tô Toyota Camry 2.5Q, nguyên giá 1.418.534.545 VND, giá trị ghi sổ 0 VND; với giá thanh lý 280.909.091 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô Mercedes GLS 450	5.700.105.278	(2.042.537.739)	3.657.567.539
Xe ô tô con Audi Q5	2.458.400.000	(737.520.012)	1.720.879.988
Xe ô tô 8 chỗ Toyota Innova	889.372.273	(889.372.273)	-
Tài sản cố định hữu hình khác	37.500.000	(37.500.000)	-
Cộng	9.085.377.551	(3.706.930.024)	5.378.447.527

Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình là các xe ô tô có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.378.447.527 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Điện Thiên Ân	1.738.800.000	2.268.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh Huy Hùng	928.740.000	1.211.400.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Truyền Thông H.T	937.181.000	1.022.410.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	387.898.815	378.652.789
Cộng	3.992.619.815	4.880.462.789

Trong đó:

Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	494.720.609	233.030.712	(92.146.370)	635.604.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp	307.095.407	1.858.596.909	(1.535.468.593)	630.223.723
Thuế thu nhập cá nhân	46.081.238	110.298.831	(95.093.513)	61.286.556
Các loại thuế khác	27.250.379	-	-	27.250.379
Cộng	875.147.633	2.201.926.452	(1.722.708.476)	1.354.365.609

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.744.086.910	2.099.394.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	261.548.246	507.503.953
- Các khoản điều chỉnh giảm	261.548.246	507.647.173
	-	(143.220)
Thu nhập chịu thuế	18.005.635.156	2.606.898.475
Lỗ năm trước được chuyển (*)	(8.712.650.613)	-
Thu nhập tính thuế	9.292.984.543	2.606.898.475
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.858.596.909	521.379.695

(*) Toàn bộ lỗ tính thuế phát sinh năm 2025 đã được sử dụng để chuyển lỗ trong kỳ này.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	310.000.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") ^(*)	310.000.000	310.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	215.296.865	83.665.873
Kinh phí công đoàn	76.081.970	41.060.970
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	95.430.400	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.784.495	42.604.903
Cộng	525.296.865	393.665.873

(*) Khoản phải trả liên quan đến cổ tức được chia năm 2023 của 3.100.000 cổ phần TTP chưa được TTVN chuyển quyền sở hữu cho Công ty (xem Thuyết minh V.4). Khoản cổ tức này sẽ được ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào TTP khi TTVN hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

11. Vay

11a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	565.593.514	-
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh V.11b)	870.000.000	870.000.000
Cộng	1.435.593.514	870.000.000

- (i) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 02 tháng 06 năm 2026, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thanh toán lương cho cán bộ nhân viên của Công ty. Hợp đồng cấp hạn mức được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	870.000.000	870.000.000
Số tiền vay phát sinh	565.593.514		565.593.514
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	435.000.000	435.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(435.000.000)	(435.000.000)
Số cuối kỳ	565.593.514	870.000.000	1.435.593.514

11b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo các hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2022 và ngày 09/06/2023, mục đích mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và thời hạn vay lần lượt là 3.700.000.000 VND - 84 tháng và 1.700.000.000 VND - 60 tháng. Lãi suất vay lần lượt là 9,9% và 8,5%/năm trong 12 tháng đầu kể từ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thời điểm giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của ngân hàng + biên độ 3,5%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần. Các khoản vay có tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	870.000.000	870.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.612.000.000	2.047.000.000
Cộng	2.482.000.000	2.917.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.047.000.000	2.917.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(435.000.000)	(435.000.000)
Số cuối kỳ	1.612.000.000	2.482.000.000

12. Vốn chủ sở hữu

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	29.625.374.648	1.241.158.539.887
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.578.014.827	1.578.014.827
Số dư cuối kỳ trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	31.203.389.475	1.242.736.554.714
Số dư đầu năm nay	1.208.065.620.000	3.467.545.239	18.575.276.087	1.230.108.441.326
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	15.885.490.001	15.885.490.001
Số dư cuối kỳ này	1.208.065.620.000	3.467.545.239	34.460.766.088	1.245.993.931.327

12b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.806.562	120.806.562

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

13a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	806.353.920	787.968.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.418.467.840	3.377.756.160
Trên 5 năm	2.310.584.400	2.763.666.000
Cộng	6.535.406.160	6.929.390.160

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence (địa chỉ: số 03 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội) được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Diện tích thuê là 180 m² với thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 01/01/2024. Giá thuê như sau:

Năm	Giá thuê mặt bằng (VND/m ² /tháng)	Phí dịch vụ quản lý (VND/m ² /tháng)
Từ năm 2024 đến hết năm 2026	243.200	121.600
Từ năm 2027 đến hết năm 2028	260.224	121.600
Từ năm 2029 đến hết năm 2030	278.464	121.600
Từ năm 2031 đến hết năm 2032	297.920	121.600
Năm 2033	318.835	121.600

13b. Tài sản nhận cầm cố, thế chấp và các khoản bảo lãnh nhận được

Các tài sản nhận cầm cố, thế chấp và các khoản bảo lãnh nhận được của Công ty liên quan đến các khoản cho vay, phải thu chuyển nhượng cổ phần và hợp tác đầu tư đã được trình bày tại các thuyết minh tương ứng, bao gồm:

Hình thức bảo đảm	Nghĩa vụ được bảo đảm	Tham chiếu
Cầm cố/thế chấp cổ phần	Các khoản cho vay và phải thu chuyển nhượng cổ phần	Thuyết minh V.2a, V.3
Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)	Các khoản cho vay và hợp tác đầu tư	Thuyết minh V.2a, V.2b

13c. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Tài sản ngắn hạn khác (xem Thuyết minh số V.6)	2.113.391.096	2.112.686.301	12 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.7)	5.378.447.527	5.786.372.797	60 tháng - 84 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Cộng	7.491.838.623	7.899.059.098		

13d. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 86,80 USD (Số đầu năm: 86,80 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận hành và bảo trì nhà máy điện mặt trời	11.781.818.182	12.956.389.092
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	506.666.666	742.222.222
Cộng	12.288.484.848	13.698.611.314

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Giá vốn hàng bán

Toàn bộ giá vốn trong kỳ là chi phí dịch vụ thuê ngoài để thực hiện công tác vận hành và bảo trì nhà máy điện mặt trời.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.757.885.660	3.449.035.819
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	143.220
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	16.138.800.000	2.893.700.000
Cộng	18.896.685.660	6.342.879.039

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	127.808.859	389.750.217
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(1.238.046.708)	1.712.269.764
Cộng	(1.110.237.849)	2.102.019.981

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.480.294.401	3.919.365.797
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	59.528.740	46.865.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	407.925.270	407.925.267
Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.785.901	248.449.393
Các chi phí khác	892.064.882	746.405.782
Cộng	6.081.599.194	5.373.012.191

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	280.909.091	-
Thu nhập khác	-	106
Cộng	280.909.091	106

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.480.294.401	3.919.365.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	407.925.270	407.925.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.978.794.261	10.455.791.247
Chi phí khác	951.593.622	797.271.734
Cộng	14.818.607.554	15.580.354.045

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**
Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" (xem Thuyết minh số V.6).
- Các giao dịch không bằng tiền**
Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển đổi khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land thành khoản cho vay, số tiền: 33.500.000.000 VND (xem thuyết minh V.2a).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.
 - Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thủy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	591.174.000	-	591.174.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	241.200.000	-	241.200.000
Cộng		832.374.000	156.000.000	988.374.000
Kỳ trước				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	345.600.000	-	345.600.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	208.200.000	-	208.200.000
Cộng		553.800.000	210.000.000	763.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (“TTP”)	Công ty con cấp 1
Công ty TNHH Onsen Hội Vân (“Onsen HV”)	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (“TTP Trà Vinh”)	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung	Công ty con cấp 2 (đến 31/05/2026)
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh	Công ty con cấp 2 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 1	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 2	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhơn Tân 5	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Aquila	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Lyra	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vega	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vela	Công ty con cấp 3 (đến 31/05/2026)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Công ty liên kết (đến 26/06/2026)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt
Ông Lê Hoàng Bảo	Thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH Onsen Hội Vân

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.781.818.182	12.956.389.092
Công ty TNHH Onsen Hội Vân		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	506.666.666	642.222.222
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land		
Cho vay	51.500.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	28.219.178	-

Cam kết bảo lãnh từ bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam đã dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 2 tỷ VND (xem Thuyết minh số V.11a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.2a; V.3, V.4, V.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài các khoản phải thu có tài sản thế chấp hoặc được bảo lãnh như đã trình bày tại thuyết minh V.3, các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ là hoạt động cung cấp dịch vụ và chỉ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh, trình bày lại, do: (i) áp dụng các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số III.1); và (ii) điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 do bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư và ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan. Chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	2.100.000.000	(2.100.000.000)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	55.042.315.068	55.042.315.068	(ii), (iii)
Các khoản cho vay		50.740.000.000	(50.740.000.000)	-	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	9.485.434.429	(4.315.001.369)	5.170.433.060	(iii), (iv)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	2.112.686.301	2.112.686.301	(i), (iv)
Phải thu dài hạn khác	215	45.001.450.000	(45.000.000.000)	1.450.000	(v)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	340.939.570.000	45.000.000.000	385.939.570.000	(v)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	(13.899.648.622)	(16.389.993.579)	(30.289.642.201)	(vi)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	2.410.616.227	(1.535.468.594)	875.147.633	(vii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420	33.429.801.072	(14.854.524.985)	18.575.276.087	(vi), (vii)

- (i) Trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.
- (ii) Trình bày gốc cho vay từ chỉ tiêu “Các khoản cho vay” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.
- (iii) Trình bày khoản dự thu lãi cho vay từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, số tiền: 4.302.315.068 VND.
- (iv) Trình bày khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”, số tiền: 12.686.301 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Trình bày khoản BCC không đồng kiểm soát, hưởng lợi nhuận theo kết quả kinh doanh từ chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.
- (vi) Trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. (*)
- (vii) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do ảnh hưởng của khoản dự phòng bổ sung nêu tại (vi) (*).

(*) Ngày 27 tháng 4 năm 2026, sau thời điểm Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được công bố, Công ty nhận được Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding, trong đó các công ty này phát sinh lỗ trong năm 2025. Do thông tin này có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/ tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh V.3);
- Dự phòng tổn thất các khoản cho vay (Thuyết minh V.2a)
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh V.2b)

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo. Ban Điều hành Công ty đảm bảo các cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán kỳ này được áp dụng nhất quán với cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập Báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước, không có thay đổi trọng yếu trong kỳ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08 tháng 07 năm 2026, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/2026/NQ-HDQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility tại thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, với vốn điều lệ là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó, Công ty dự kiến góp 15 tỷ VND, tương đương 60% vốn điều lệ của công ty này. Các cổ đông khác dự kiến bao gồm Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành và Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUQ Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Bùi Thanh Thanh Hiền



Nguyễn Thị Hoa-Vy



Hoàng Mạnh Huy



INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

**FOR THE ACCOUNTING PERIOD
FROM 1 JANUARY 2026 TO 30 JUNE 2026**

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. General information	2
3. Statement of the legal representative	3
4. Report on Review of Interim Financial Information	4 - 5
5. Interim Statement of Financial Position as at 30 June 2026	6 - 9
6. Interim Statement of Income for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	10
7. Interim Statement of Cash Flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	11 - 12
8. Notes to the Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	13 - 38

GENERAL INFORMATION**Corporate information**

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate JSC.) is a joint stock company operating in accordance with the Enterprise Registration Certificate No. 0105167260, initially registered on 28 February 2011 and issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

During its operation, the Company has had its Enterprise Registration Certificate amended 25 times by the Hanoi Authority for Planning and Investment (now the Hanoi Department of Finance). The 25th amended Enterprise Registration Certificate dated 15 January 2026 reflects changes to the Company's name and principal business activities.

Head office

- Address : 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City
- Tel. : 0242 242 5995

Principal business activities of the Company during the period include the operation and maintenance of solar power plants, provision of consulting services, and financial investments.

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Executive Officers during the period and up to the date of this statement include:

Board of Directors ("BOD")

Full name	Position
Mr. Dang Trung Kien	Chairman
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent BOD Member
Mr. Dao Xuan Duc	Member
Mr. Le Dinh Ngoc	Member
Mr. Mac Quang Huy	Member
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent BOD Member
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member

Board of Supervisors ("BOS")

Full name	Position
Ms. Dang Bich Thuy	Head of the BOS
Ms. Le Thuy Linh	Member
Ms. Vuong Thi Oanh	Member

Executive Officers

Full name	Position
Mr. Hoang Manh Huy	General Director
Mr. Nguyen Quang Vinh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and up to the date of this statement is Mr. Dang Trung Kien – BOD Chairman.

Mr. Dang Trung Kien has authorized Mr. Hoang Manh Huy – General Director to sign the Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 in accordance with the Letter of Attorney No. 57/2024/UQ-TEG dated 19 April 2024.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed as the Company's independent auditor.

STATEMENT OF THE LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026.

Responsibilities of the Executive Officers

The Executive Officers are responsible for the preparation of the Interim Financial Statements that give a true and fair view of the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the period. In order to prepare these Interim Financial Statements, the Executive Officers must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State whether applicable accounting standards have been followed or not, and all the differences subject to any materials departures are disclosed and explained in the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Financial Statements of the Company on a going-concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to fraud or error in the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

The Executive Officers hereby ensure that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded that disclose with reasonable accuracy at any time the financial position of the Company, and that all the accounting books have been prepared in accordance with the applicable Accounting System. The Executive Officers are also responsible for safeguarding the Company's assets and consequently have taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Executive Officers hereby confirm that the Company has complied with the aforementioned requirements in preparation of the Interim Financial Statements.

Statement of the legal representative

In the opinion of the legal representative, the Interim Financial Statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 30 June 2026 and of its financial performance and cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements.

By authorization of the legal representative 
General Director



Hoàng Mạnh Huy

28 August 2026

No. 2.0612/26/TC-AC

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION

**To: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE EXECUTIVE OFFICERS
TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY**

We have reviewed the accompanying Interim Financial Statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 28 August 2026, from page 6 to page 38, comprising the Interim Statement of Financial Position as at 30 June 2026, the Interim Statement of Income, the Interim Statement of Cash Flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 and the Notes to the Interim Financial Statements.

Responsibility of the Executive Officers

The Company's Executive Officers are responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Interim Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements; and responsible for such internal control as the Executive Officers determine necessary to enable the preparation and presentation of the Interim Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing and therefore, it does not enable us to obtain a reasonable assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express our audit opinion.

Conclusion of Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company as at 30 June 2026 and of its financial performance and cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Financial Statements.



Emphasis of Matter

We draw the readers' attention to Note VIII.3 to the Interim Financial Statements, which describes the Company's restatement of the comparative figures as at 1 January 2026. Our review conclusion is not modified in respect of this matter.

Other matter

The Report on review of the Company's Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of**A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.****Hanoi Branch****Nguyen Hoang Duc – Partner***Audit Practice Registration Certificate: No. 0368-2023-008-1*

Authorized Signatory

Hanoi, 28 August 2026



TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

(Full form)

As at 30 June 2026

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		259,999,883,004	207,460,677,964
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	419,600,453	3,012,935,438
1. Cash	111		419,600,453	3,012,935,438
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		109,125,919,999	55,042,315,068
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Short-term held-to-maturity investments	123	V.2a	109,125,919,999	55,042,315,068
4. Provisions for impairment of short-term held-to-maturity investments	124		-	-
5. Other short-term investments	125		-	-
6. Provisions for impairment of other short-term investments	126		-	-
III. Short-term receivables	130		148,304,842,945	147,242,563,050
1. Short-term trade receivables	131	V.3	100,611,937,365	99,529,364,637
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	42,544,472,520	42,542,765,353
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Other short-term receivables	135	V.5	5,148,433,060	5,170,433,060
6. Allowance for short-term doubtful debts	136		-	-
7. Shortage of assets awaiting resolution	137		-	-
IV. Inventories	140		-	-
1. Inventories	141		-	-
2. Allowance for devaluation of inventories	142		-	-
V. Short-term biological assets	150		-	-
1. Short-term consumable livestock	151		-	-
2. Short-term consumable crops/plants	152		-	-
3. Provisions for impairment of short-term biological assets	153		-	-
VI. Other current assets	160		2,149,519,607	2,162,864,408
1. Short-term deferred expenses	161		36,128,511	50,178,107
2. Deductible VAT	162		-	-
3. Taxes and other receivables from the State	163		-	-
4. Trading Government bonds	164		-	-
5. Other current assets	165	V.6	2,113,391,096	2,112,686,301

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		995,553,926,974	1,032,278,395,390
I. Long-term receivables	210		1,550,000	1,450,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Other long-term receivables	215		1,550,000	1,450,000
6. Allowance for long-term doubtful debts	216		-	-
II. Fixed assets	220		5,378,447,527	5,786,372,797
1. Tangible fixed assets	221	V.7	5,378,447,527	5,786,372,797
- Historical costs	222		9,085,377,551	10,503,912,096
- Accumulated depreciation	223		(3,706,930,024)	(4,717,539,299)
2. Finance lease assets	224		-	-
- Historical costs	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		-	-
- Historical costs	228		-	-
- Accumulated amortization	229		-	-
III. Long-term biological assets	230		-	-
1. Bearer livestock	231		-	-
a) Immature bearer livestock	232		-	-
b) Mature bearer livestock	233		-	-
- Historical costs	234		-	-
- Accumulated depreciation	235		-	-
2. Long-term consumable livestock	236		-	-
3. Long-term consumable crops/plants	237		-	-
4. Provisions for impairment of long-term biological assets	238		-	-
IV. Investment properties	240		-	-
- Historical costs	241		-	-
- Accumulated depreciation	242		-	-
V. Long-term assets in progress	250		-	-
1. Long-term work in progress	251		-	-
2. Construction-in-progress	252		-	-
VI. Long-term financial investments	260		989,875,785,307	1,026,034,438,599
1. Investments in subsidiaries	261	V.2b	611,531,810,800	611,531,810,800
2. Investments in joint ventures and associates	262	V.2b	19,200,000,000	58,852,700,000
3. Investments in other entities	263	V.2b	388,195,570,000	385,939,570,000
4. Provisions for impairment of long-term investments in other entities	264	V.2b	(29,051,595,493)	(30,289,642,201)
5. Long-term held-to-maturity investments	265		-	-
6. Provisions for impairment of long-term held-to-maturity investments	266		-	-
VII. Other non-current assets	270		298,144,140	456,133,994
1. Long-term deferred expenses	271		298,144,140	456,133,994
2. Deferred income tax assets	272		-	-
3. Long-term components and spare parts	273		-	-
4. Other non-current assets	274		-	-
TOTAL ASSETS	280		1,255,553,809,978	1,239,739,073,354

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		9,559,878,651	9,630,632,028
I. Current liabilities	310		7,947,878,651	7,583,632,028
1. Short-term trade payables	311	V.8	3,992,619,815	4,880,462,789
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Payables for dividends and profit distributions	313		-	-
4. Short-term taxes and other obligations to the State Budget	314	V.9	1,354,365,609	875,147,633
5. Payables to employees	315		636,024,315	561,460,610
6. Short-term accrued expenses	316		3,978,533	2,895,123
7. Short-term inter-company payables	317		-	-
8. Payables based on the progress of construction contracts	318		-	-
9. Short-term deferred revenue	319		-	-
10. Other short-term payables	320	V.10	525,296,865	393,665,873
11. Short-term borrowings and finance leases	321	V.11a	1,435,593,514	870,000,000
12. Short-term provisions	322		-	-
13. Bonus and welfare funds	323		-	-
14. Price stabilization fund	324		-	-
15. Trading Government bonds	325		-	-
II. Non-current liabilities	330		1,612,000,000	2,047,000,000
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term taxes and other obligations to the State Budget	333		-	-
4. Long-term accrued expenses	334		-	-
5. Inter-company payables for working capital	335		-	-
6. Long-term inter-company payables	336		-	-
7. Long-term deferred revenue	337		-	-
8. Other long-term payables	338		-	-
9. Long-term borrowings and finance leases	339	V.11b	1,612,000,000	2,047,000,000
10. Convertible bonds	340		-	-
11. Preferred shares	341		-	-
12. Deferred income tax liabilities	342		-	-
13. Long-term provisions	343		-	-
14. Science and technology development fund	344		-	-

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

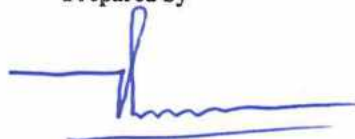
INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNERS' EQUITY	400	V.12	1,245,993,931,327	1,230,108,441,326
1. Owners' contribution capital	411		1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		3,467,545,239	3,467,545,239
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		-	-
9. Other funds	419		-	-
10. Retained earnings	420		34,460,766,088	18,575,276,087
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	420a		18,575,276,087	18,575,276,087
- Retained earnings of the current period	420b		15,885,490,001	-
TOTAL RESOURCES	440		1,255,553,809,978	1,239,739,073,354

Prepared by



Bui Thanh Thanh Hien

Chief Accountant



Nguyen Thi Hoa Vy

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative

General Director



Hoang Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM STATEMENT OF INCOME

(Full form)

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	12,288,484,848	13,698,611,314
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		12,288,484,848	13,698,611,314
4. Cost of sales	11	VI.2	8,737,008,360	10,207,341,854
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		3,551,476,488	3,491,269,460
6. Gain/(loss) on disposal, liquidation of investment properties	21		-	-
7. Financial income	22	VI.3	18,896,685,660	6,342,879,039
8. Financial expenses	23	VI.4	(1,110,237,849)	2,102,019,981
In which: Borrowing costs	24		127,808,859	389,750,217
9. Selling expenses	25		-	-
10. General and administration expenses	26	VI.5	6,081,599,194	5,373,012,191
11. Net operating profit/ (loss)	30		17,476,800,803	2,359,116,327
12. Other income	31	VI.6	280,909,091	106
13. Other expenses	32		13,622,984	259,721,911
14. Other profit/ (loss)	40		267,286,107	(259,721,805)
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		17,744,086,910	2,099,394,522
16. Current income tax	51	V.9	1,858,596,909	521,379,695
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		<u>15,885,490,001</u>	<u>1,578,014,827</u>
19. Basic earnings per share	70	VI.7	-	-
20. Diluted earnings per share	71	VI.7	-	-

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative

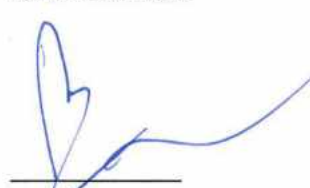
General Director

Prepared by

Chief Accountant



Bui Thanh Thanh Hien



Nguyen Thi Hoa Vy



Hoang Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM STATEMENT OF CASH FLOWS

(Full form)

(Indirect method)

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		17,744,086,910	2,099,394,522
2. Adjustments:				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	V.7	407,925,270	407,925,267
- Provisions and allowances	03	V.2b	(1,238,046,708)	1,712,269,764
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	(143,220)
- (Gain)/ loss from investing and financing activities	05		(19,177,594,751)	(6,342,735,819)
- Borrowing costs	06	VI.4	127,808,859	389,750,217
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		(2,135,820,420)	(1,733,539,269)
- (Increase)/ decrease in receivables	09		(3,072,584,690)	2,706,427,801
- (Increase)/ decrease in inventories	10		-	-
- Increase/ (decrease) in payables	11		(525,558,617)	(239,279,345)
- Increase/ (decrease) in deferred expenses	12		172,039,450	319,196,252
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Borrowing costs paid	14		(126,725,449)	(449,832,058)
- Corporate income tax paid	15	V.9	(1,535,468,593)	(350,000,000)
- Other cash inflows from operating activities	16		-	-
- Other cash outflows from operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		(7,224,118,319)	252,973,381
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		-	-
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		280,909,091	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(18,000,000,000)	(24,790,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments in other entities	25		(2,256,000,000)	(25,200,000,000)
6. Proceeds from divestment of investments in other entities	26		24,301,000,000	45,652,999,982
7. Interests earned, dividends and profits received	27		174,280,729	1,504,459,123
Net cash flows from investing activities	30		4,500,189,820	(2,832,540,895)

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Interim Financial Statements

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Statement of Cash Flows (cont.)

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from share issuance and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.11	565,593,514	5,659,685,765
4. Repayment for borrowings	34	V.11	(435,000,000)	(4,064,469,260)
5. Repayments for finance lease principal	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>130,593,514</u>	<u>1,595,216,505</u>
Net cash flows during the period	50		(2,593,334,985)	(984,351,009)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	3,012,935,438	2,438,142,612
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	143,220
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>419,600,453</u>	<u>1,453,934,823</u>

Prepared by



Bui Thanh Thanh Hien

Chief Accountant



Nguyen Thi Hoa Vy

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director

Hoang Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

I. GENERAL INFORMATION**1. Form of ownership**

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company operates in the fields of services; management of investment capital in subsidiaries and associates; and rendering of management services and general operational support to affiliates.

3. Business activities

The principal business activities of the Company include: the operation and maintenance of solar power plants, provision of consulting services, and financial investments.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Company***Subsidiaries***

Name	Address of head office	Principal business activity	Proportion of capital contribution	Proportion of beneficial interest	Proportion of voting rights
Onsen Hoi Van Limited Liability Company ⁽ⁱ⁾	Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province, Vietnam	In the stage of construction investment	65.75%	65.75%	60.00%
Truong Thanh Energy JSC.	4 th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 3 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam	Financial investment (acquisition and sales of investments in enterprises)	92.11%	92.11%	92.11%
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	1 st Floor, Lot DVCC1-1, Lien Ha Thai Industrial Zone (Green iP-1), Thai Thuy Commune, Hung Yen Province, Vietnam	The Company is newly established and has not yet commenced operations	2.02%	2.02%	50.50%

⁽ⁱ⁾ The proportion of voting rights differs from the proportion of capital contribution as the remaining members of the subsidiaries have not yet fully contributed the capital as committed.

⁽ⁱⁱ⁾ The proportion of voting rights differs from the proportion of capital contribution as the Company has not yet fully contributed the capital as committed (see Note V.2b)

Associate

The Company makes investments solely in one associate, TTP Tra Vinh JSC., located at Apartment PG1-10, Vincom Quarter, Group 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam. The principal activity of this company during the period was the continued investment in the project.

At the end of the accounting period, the Company's proportion of capital contribution in this associate was 48.00%; the proportion of ownership interest and voting rights were equivalent to the proportion of capital contribution.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

6. Number of employees

As at 30 June 2026, the Company had 38 employees (as at 1 January 2026: 34 employees).

7. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to those of the current period. During the period, the Company first adopted the Vietnamese Enterprise Accounting System issued pursuant to Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance ("Circular 99") in place of Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 200"). Accordingly, certain line items in the Financial Statements have been reclassified and renamed in accordance with the new regulations. The figures in the "Beginning balance of the previous year" and "Previous period" columns in the Interim Financial Statements have been restated in accordance with the new classifications and terminology of Circular 99 to ensure comparability. These changes do not affect the Company's total assets, total liabilities, owners' equity, or profit after tax.

8. Other information

The Company's shares have been listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under the stock code "TEG" pursuant to Decision No. 497/QĐ-SGDHCM dated 28 December 2017 issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange. The first date of transaction was 9 March 2018. The number of listed shares at the end of the accounting period was 120,806,562 shares, with a face value of VND 10,000 per share.

II. ACCOUNTING PERIOD, ACCOUNTING CURRENCY

1. Accounting period

The Company's accounting period begins on 01 January and ends on 31 December annually.

2. Accounting currency

The accounting currency is the Vietnamese Dong (VND), as transactions are primarily conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System issued pursuant to Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 ("Circular 99"), as well as the Ministry of Finance's guiding circulars on the implementation of accounting standards in the preparation and presentation of Financial Statements.

Adoption of the New Enterprise Accounting System

The fiscal year ended 31 December 2026 is the first year in which the Company adopts the Enterprise Accounting System under Circular 99, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014.

The transition to Circular 99 is carried out using the following methods:

- For changes in accounting policies for which Circular 99 provides specific transition guidance, the Company follows that guidance.
- For changes in accounting policies for which Circular 99 does not require retrospective or simplified retrospective adjustment, the Company applies the non-retrospective method.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Company's Executive Officers ensure the compliance with all the requirements of Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular 99, as well as the Ministry of Finance's circulars guiding the implementation of accounting standards in the preparation and presentation of Financial Statements.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES, ACCOUNTING ESTIMATES, AND RELEVANT LEGAL PROVISIONS

1. Basis of preparation of the Financial Statements

The Financial Statements are prepared on the accrual basis accounting (except for information related to cash flows), in accordance with the historical cost convention and on the going-concern basis.

The Interim Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Interim Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Interim Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits. Cash equivalents are short-term investments with maturities not exceeding 3 months from the date of investment that are readily convertible into known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of change in value at the end of the accounting period. Cash and cash equivalents subject to restrictions on use are not presented under this line item but are presented under "Other Current Assets" or "Other Non-Current Assets", depending on the duration of the restriction.

3. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments when the Company has the intent and ability to hold them until the maturity date. Held-to-maturity investments comprise only loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest.

A provision for impairment of held-to-maturity investments is recognized when there is evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the amount of the loss can be reliably measured. Increases or decreases in provisions for impairment of held-to-maturity investments at the end of the accounting period are recognized in "Financial expenses".

Investments in subsidiaries and associates

Subsidiary

A subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is obtained when the Company achieves the ability to govern the financial and operating policies of the investee so as to obtain economic benefits from its activities.

Associate

A joint venture is an entity established under a contractual arrangement under which the Company and the other venturers undertake economic activities subject to joint control. Joint control means that strategic decisions relating to the joint venture's financial and operating policies require the consent of the venturers.

Initial recognition

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at cost, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable costs (transaction costs, brokerage fees, consulting fees, audit fees, duties, taxes, and bank charges, etc.). Specifically, when the Company borrows funds to invest in subsidiaries or associates, interest expenses are recognized as financial expenses and are not capitalized. Where an investment is made using non-monetary assets, the cost

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

of the investment is measured at the fair value of the non-monetary assets at the transaction date. Subsequent to initial recognition, these investments are carried at cost.

Dividends and profit distributions of the previous periods prior to the acquisition of the investment are deducted from the cost of the investment. Dividends and profit distributions of the periods after the acquisition date are recognized as financial income. Stock dividends received are tracked only in terms of the additional number of shares received, and the value of such shares is not recognized as income.

Provisions for impairment of investments in subsidiaries and associates

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, joint ventures and associates are recognized when the subsidiaries, associates incur losses or when the investments are impaired such that the Company may lose part or all of its invested capital. The provision is calculated as the Company's ownership interest in each investee's actual contributed charter capital at the end of the accounting period, multiplied by the difference between the investee's actual contributed charter capital and its owners' equity at the same date. Where the subsidiaries, associates are required to prepare Consolidated Financial Statements, the provision for impairment is determined based on their Consolidated Financial Statements.

Increases or decreases in provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates at the end of the accounting period are recognized in "Financial expenses".

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Company to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at cost, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable costs (transaction costs, brokerage fees, consulting fees, audit fees, duties, taxes, and bank charges, etc.). Specifically, when the Company borrows funds to invest in the equity instruments of other entities, interest expenses are recognized as financial expenses and are not capitalized. Where an investment is made using non-monetary assets, the cost of the investment is measured at the fair value of the non-monetary assets at the transaction date. Subsequent to initial recognition, these investments are carried at cost.

Dividends and profit distributions of the previous periods prior to the acquisition of the investment are deducted from the cost of the investment. Dividends and profit distributions of the periods after the acquisition date are recognized as financial income. Stock dividends received are tracked only in terms of the additional number of shares received, and the value of such shares is not recognized as income.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or investments where the fair value can be reliably measured, provisions are established based on the market value of the shares.
- For investments where fair value cannot be determined at the reporting date, provisions are established based on the losses incurred by the investees, with the amount calculated as the Company's ownership interest in each investee's actual contributed charter capital at the end of the accounting period, multiplied by the difference between the investee's actual contributed charter capital and its owners' equity at the same date.

Increases or decreases in provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities at the end of the accounting period are recognized in "Financial expenses".

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

4. Receivables

Receivables are presented at their carrying amount less allowance for doubtful debts.

Receivables are classified as trade receivables or other receivables based on the following principles:

- Trade receivables represent amounts of a commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers that are independent of the Company.
- Other receivables represent amounts of a non-commercial nature that do not arise from purchase and sale transactions.

Receivables are tracked in detail by debtor, maturity, and original currency.

Trade receivables and other receivables are classified as short-term or long-term in the Statement of Financial Position based on their remaining maturity at the end of the accounting period.

An allowance for doubtful debts is made for each doubtful receivable after offsetting against the corresponding payable, if any. The amount of the allowance is determined based on the ageing of overdue receivables or the estimated loss that may be incurred, as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the receivable amount overdue from 6 months to less than 1 year;
 - 50% of the receivable amount overdue from 1 year to less than 2 years;
 - 70% of the receivable amount overdue from 2 years to less than 3 years; and
 - 100% of the receivable amount overdue from 3 years or more.
- For receivables that are not yet overdue but are considered unlikely to be recovered, the allowance is made based on the estimated loss.

Increases or decreases in allowance for doubtful debts at the end of the accounting period are recognized in "General and administration expenses".

5. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at historical costs less accumulated depreciation.

The historical costs of a tangible fixed asset include all costs incurred by the Company to acquire the asset up to the date it is ready for use.

Subsequent expenditures are capitalized as part of the cost of fixed assets only when it can be clearly demonstrated that the expenditures will result in future economic benefits expected to flow to the entity from the use of such assets. Those that do not meet these criteria are recognized as operating expenses during the period in which they are incurred. For fixed assets that require periodic repairs and maintenance in accordance with technical requirements, significant periodic repair and maintenance costs are recognized as deferred expenses and amortized to production and operating expenses until the next scheduled repair and maintenance.

When a tangible fixed asset is sold or disposed of, its historical costs and accumulated depreciation are written off, and any gain or loss arising from disposal is recognized in profit or loss during the period.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

Tangible fixed assets are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful lives. The useful lives and depreciation methods are reviewed at least at the end of each fiscal year and adjusted if necessary. The number of years for various classes of tangible fixed assets are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Means of transportation	10
Office equipment	3

6. Business cooperation contract ("BCC")

A business cooperation contract ("BCC") is a contractual arrangement between two or more parties to jointly undertake an economic activity without establishing a separate legal entity. The accounting method applied is determined based on the substance of each contract, particularly whether joint control exists. Joint control exists when decisions about the relevant activities of the BCC require the unanimous consent of all parties sharing control, regardless of their capital contribution ratios or the legal form of the contract.

In all cases, when the Company is the party receiving cash or other assets contributed by the other parties to the BCC, the amounts received are recognized as liabilities and are not recognized as equity.

The Company's BCCs comprise only BCCs without joint control, in which the Company is a capital contributor and is entitled to benefits based on the after-tax profits of the BCCs. These BCC capital contributions are recognized as financial investments and classified as either short-term or long-term based on its remaining term at the end of the accounting period. Profit distributions from the BCC are recognized as financial income when the Company's right to receive such distributions is established. A provision for impairment losses, if any, is recognized in accordance with the requirements applicable to provisions for impairment losses on investments in other entities. (see Note IV.3).

7. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future in respect of goods and services received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amounts payable.

Payables are classified as trade payables, accrued expenses or other payables based on the following principles:

- Trade payables represent payables of a commercial nature arising from purchases of merchandise, services and assets from suppliers that are independent of the Company.
- Accrued expenses represent amounts payable for goods and services received from suppliers or provided to customers during the period but not yet paid because the supporting accounting documents and records are not yet complete; amounts payable to employees for vacation pay; and other operating expenses to be accrued, such as expenses incurred during seasonal production shutdowns and accrued interest expenses.
- Other payables represent payables of a non-commercial nature that do not arise from purchases, sales or the provision of merchandise and services.

Payables and accrued expenses are classified as current and non-current in the Statement of Financial Position based on their remaining settlement periods at the end of the accounting period.

8. Payable for dividends and profit distributions

Dividends are recognized as payables when the Company has no discretion to avoid the obligation to pay dividends to shareholders in accordance with securities laws and the Company's Charter.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

9. Owners' equity

Owners' contribution capital

Owners' contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Capital surplus

Capital surplus is recognized including:

- The difference between the issuance price and the par value of shares upon an initial public offering or an additional issue.
- The difference between the repurchase price and the re-issuance price of the Company's treasury shares.
- The excess of the principal component of convertible bonds over the par value of the additional shares issued upon conversion, together with the entire value of the conversion option transferred to capital surplus, regardless of whether the bondholders exercise the conversion option.
- The difference between the actual amount of capital contributed and the amount of capital stated in the Company's Charter.

Direct costs attributable to a successful share issuance are deducted from capital surplus. Costs of an unsuccessful share issuance are recognized as financial expenses during the period.

10. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when the Company satisfies its performance obligation under the contract and all of the following conditions are satisfied:

- Revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services rendered under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered;
- It is probable that the economic benefits associated with the rendering of services will flow to the Company;
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion at the end of the accounting period.

Interest income

Interest income is recognized on a time-proportion basis using the effective interest rate for each period.

11. Borrowing costs

Borrowing costs include interest expenses and other expenses incurred directly in connection with the borrowings.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred, unless they qualify for capitalization.

The Company did not incur any capitalized borrowing costs during the period.

12. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits and are recognized when transactions occur or when it is probable that they will arise in the future, regardless of whether payment has been made. Expenses are recognized even when they are not yet due for payment, provided that it is probable that they will be incurred, in order to comply with the principles of prudence and capital maintenance.

When the Company recognizes revenue, it also recognizes the corresponding expenses incurred in generating that revenue. Such expenses include expenses incurred during the period in which the

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

revenue is generated, expenses incurred in prior periods, and accrued expenses attributable to the revenue of that period. When the matching principle conflicts with the principle of prudence, expenses are recognized based on the substance of the transaction and the Vietnamese Accounting Standards to ensure that the transaction is presented faithfully and fairly.

13. Corporate income tax

The Company's corporate income tax accounting policy is applied in accordance with Corporate Income Tax Law No. 67/2025/QH15 dated 14 June 2025, Decree No. 320/2025/ND-CP dated 15 December 2025 issued by the Government, providing detailed guidance on the implementation of certain articles of the Corporate Income Tax Law, relevant guidance issued by the Ministry of Finance, and other applicable laws and regulations.

The Company's corporate income tax expense comprises only current corporate income tax, which is the amount of corporate income tax payable calculated based on taxable income for the year and the current corporate income tax rate. The difference between taxable income and accounting profit results from adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, non-deductible expenses, non-taxable income, and tax losses carried forward.

Each quarter, the Company determines and records the estimated corporate income tax payable based on its provisional corporate income tax return. As of the balance sheet date, the Company determines the actual corporate income tax payable based on its annual corporate income tax finalization return and adjusts for any differences from the amounts provisionally recorded during the year.

14. Related parties

Parties are considered to be related when one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered to be related when they are subject to common control.

Related parties of the Company include:

- Institutional shareholders with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Company, the subsidiaries and associates of such shareholders.
- The Company's subsidiaries and associates.
- Individuals with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Company, including the members of Board of Directors and their close family members.
- Key management personnel with the authority and responsibility to plan, direct, and control the Company's operations, including key management personnel, and their close family members.
- Enterprises in which individuals belonging to the above groups directly or indirectly hold a sufficiently large voting interest to exercise significant influence over those enterprises, including enterprises owned by key management personnel or major shareholders of the Company and enterprises that have key management personnel in common with the Company.

Close family members of an individual are those who can influence or be influenced by that individual when transacting with the Company, including their parents, spouse, children, and siblings.

Transactions between related parties are transfers of resources or obligations between such parties, regardless of whether they involve consideration.

In considering related party relationships, the substance of the relationship is given greater consideration than its legal form.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

15. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in producing or providing an individual product or service, or a group of related products or services, and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in producing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of business segments operating in other economic environments.

The nature of risks and returns is the primary basis for determining whether the primary segment reporting format is based on business segments or geographical segments. If risks and rates of return are affected mainly by differences in products and services, the primary segment reporting format is based on business segments and the secondary segment reporting format is based on geographical segments. Conversely, if risks and rates of return are affected mainly by differences in geographical areas, the primary segment reporting format is based on geographical segments and the secondary segment reporting format is based on business segments. The Company's organizational and management structure and internal financial reporting system are the principal basis for determining the primary and secondary segment reporting formats.

A segment is required to be reported if the majority of its revenue is derived from sales of merchandise and rendering of services to external customers and it meets at least one of the following thresholds:

- The segment's revenue accounts for 10% or more of the total revenue of all segments; or
- The segment result accounts for 10% or more of the combined results of all profitable segments or the combined losses of all loss-making segments, whichever is greater in absolute amount; or
- The segment's total assets account for 10% or more of the total assets of all segments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

1. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents held by the Company that are not restricted on their use, including:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	5,962,146	23,562,146
Demand deposits	413,638,307	2,989,373,292
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	407,036,138	2,986,682,131
- Other banks and organizations	6,602,169	2,691,161
Total	419,600,453	3,012,935,438

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)**2. Financial investments****2a. Short-term held-to-maturity investments**

These represent loans and corresponding loan interest receivables, including:

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Mr. Duong Anh Nam ⁽ⁱ⁾	20,257,589,041	-	19,364,000,000	-
- Principal	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
- Interest	2,257,589,041	-	1,364,000,000	-
Viet My Industrial Investment and Construction JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	37,340,111,780	-	35,678,315,068	-
- Principal	32,740,000,000	-	32,740,000,000	-
- Interest	4,600,111,780	-	2,938,315,068	-
Truong Thanh Land Group JSC. ⁽ⁱⁱⁱ⁾ — Related party	51,528,219,178	-	-	-
- Principal	51,500,000,000	-	-	-
- Interest	28,219,178	-	-	-
Total	109,125,919,999	-	55,042,315,068	-

- (i) This represents a loan given of VND 18,000,000,000 to Mr. Duong Anh Nam under Agreement dated 6 March 2024, with a term of 12 months, an interest rate of 8% per annum until 1 April 2026 and 12% per annum from 1 April 2026. The loan has been extended until 6 March 2027 and is secured by 1,800,000 shares owned by Mr. Tran Kim Tuyen in Nam Minh JSC.
- (ii) This represents a loan given to Viet My Industrial Investment and Construction JSC. under Agreement dated 2 January 2025 and its annexes, with a limit of VND 50,000,000,000, with a term of one year, an interest rate of 10% per annum until 1 April 2026 and 12% per annum from 1 April 2026. The loan has been extended until 3 January 2027 and is secured by all the lawful assets of Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party).
- (iii) This represents a loan given to Truong Thanh Land Group JSC. (a related party) under Agreement dated 29 June 2026, with a limit of VND 100 billion, an interest rate of 10% per annum, and a term of 12 months starting from the first disbursement date, for the purpose of supplementing working capital. As at 29 June 2026, the Company converted trade receivables of VND 33,500,000,000 into a loan (see Note V.3) and disbursed an additional VND 18,000,000,000.

Recoverable value

The Company assesses the recoverable value of loans based on the borrower's ability to pay, the repayment term and any related collateral or guarantees.

Provisions for held-to-maturity investments

The Company assesses that these loans are fully recoverable and no provisions for impairment are made.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)**2b. Investments in other entities**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
<i>Investments in subsidiaries</i>	<i>611,531,810,800</i>	<i>(2,901,923,873)</i>	<i>611,531,810,800</i>	<i>(4,141,792,521)</i>
Truong Thanh Energy JSC.	496,281,310,800	-	496,281,310,800	-
Onsen Hoi Van Limited Liability Company	115,200,000,000	(2,901,923,873)	115,200,000,000	(4,141,792,521)
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company	50,500,000	-	50,500,000	-
<i>Investments in associates</i>	<i>19,200,000,000</i>	<i>(172,277,599)</i>	<i>58,852,700,000</i>	<i>(170,455,659)</i>
TTP Tra Vinh JSC.	19,200,000,000	(172,277,599)	19,200,000,000	(170,455,659)
108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	-	-	39,652,700,000	-
<i>Investments in other entities</i>	<i>388,195,570,000</i>	<i>(25,977,394,021)</i>	<i>385,939,570,000</i>	<i>(25,977,394,021)</i>
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	300,689,580,000	(17,006,873,774)	300,689,580,000	(17,006,873,774)
Huong Hoa Holding JSC.	40,249,990,000	(8,970,520,247)	40,249,990,000	(8,970,520,247)
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC.	47,256,000,000	-	45,000,000,000	-
Total	1,018,927,380,800	(29,051,595,493)	1,056,324,080,800	(30,289,642,201)

Details of the number of shares/amount of capital contribution held by the Company and the corresponding proportion of ownership interest are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares/amount of capital contribution	Proportion of ownership interest (%)	Number of shares/amount of capital contribution	Proportion of ownership interest (%)
Truong Thanh Energy JSC.	41,450,000 shares	92.11%	41,450,000 shares	92.11%
Onsen Hoi Van Limited Liability Company	VND 115.2 billion	65.75%	VND 115.2 billion	65.75%
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company	5,050 shares	2.02%	5,050 shares	2.02%
108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	-	-	2,410,000 shares	30.125%
TTP Tra Vinh JSC.	1,920,000 shares	48.00%	1,920,000 shares	48.00%
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	15,034,479 shares	19.99%	15,034,479 shares	19.99%
Huong Hoa Holding JSC.	4,024,999 shares	19.999995%	4,024,999 shares	19.999995%
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC. (*)	VND 47.256 billion		VND 45 billion	

(*) Pursuant to BCC dated 3 December 2025 with Duyen Tra Investment Development JSC. ("Duyen Tra"), the Company undertakes to contribute VND 90,000,000,000 towards the joint development of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project (V3-3 extension site) in Dong Hai Commune, Vinh Long Province, for a cooperation term of 5 years. The cooperation contribution is guaranteed by all the lawful assets of Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party). BCC is managed and operated by Duyen Tra; the Company does not have the right to control and is entitled to a share of BCC's profit after tax. The Company's proportion of capital contribution to the project will be agreed upon by the parties once the total investment value of the project has been approved by the competent authorities.

At the reporting date, this BCC was in the survey and research phase and had not yet commenced production or business operations.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)*Liquidation of associate during the period*

Pursuant to Board of Directors' Resolution No. 09/2026/ND-HDQT dated 26 June 2026, the Company transferred 2,410,000 shares in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. (hereinafter referred to as "108 Truong Thanh shares") to Mr. Do Van Quang at a consideration receivable of VND 55,791,500,000 (VND 23,150 per share), resulting in a profit of VND 16,138,800,000 (Note VI.3). Following this transaction, the Company no longer holds any shares in 108 Truong Thanh Joint Stock Company.

At the end of the reporting period, the Company had completed the procedures for transferring ownership of the shares to the buyer.

Recoverable value

The Company has not yet determined the recoverable value of its unlisted investments as there are no specific guidelines on determining the recoverable value.

Operation of subsidiaries and associates during the period

Truong Thanh Energy JSC. is in normal operation, with no significant changes compared to the previous year. Onsen Hoi Van Limited Liability Company is currently in the construction phase.

The remaining entities have not yet commenced production or business operations and have not generated any revenue during the year.

Provisions for investments in other entities

Fluctuations in provisions for investments in other entities are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	30,289,642,201	12,449,700,430
Additional provision/(reversal of provision) during the period	(1,238,046,708)	1,712,269,764
Ending balance	29,051,595,493	14,161,970,194

Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC. have not prepared Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026. Consequently, the Company had not yet had sufficient information to estimate the provision at the end of the accounting period. This is a significant accounting estimate and may change once the Company has sufficient information.

Transactions with subsidiaries and associates

Significant transactions between the Company and its subsidiaries and associates are set out in Note VIII.1b.

Commitments to contribute capital

	<u>Total capital contributed as committed</u>	<u>Amount to be contributed as at 30 June 2026</u>	<u>Notes</u>
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company	2,525,000,000	2,474,500,000	Contribution in line with GIP's capital raising schedule
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC.	90,000,000,000	42,744,000,000	Contribution in line with the progress of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)**3. Short-term trade receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Book value	Allowance	Book value	Allowance
<i>Receivables from related parties for merchandise and services rendered</i>	<i>11,424,437,347</i>	-	<i>8,332,364,619</i>	-
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	5,452,291,892	-	5,452,291,892	-
Phu Yen TTP JSC.	5,089,745,455	-	2,544,872,727	-
Onsen Hoi Van Limited Liability Company	882,400,000	-	335,200,000	-
<i>Receivables from related parties for the transfer of shares</i>	<i>11,200,000,000</i>	-	<i>45,800,000,000</i>	-
Truong Thanh Land Group JSC. ("Truong Thanh Land") ⁽ⁱ⁾	-	-	34,600,000,000	-
Mr. Le Hoang Bao ⁽ⁱⁱ⁾	11,200,000,000	-	11,200,000,000	-
<i>Receivables from other customers for the transfer of shares ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>77,987,500,018</i>	-	<i>45,397,000,018</i>	-
Mr. Pham Tien Quan	26,712,000,018	-	29,187,000,018	-
Mr. Le Quoc Cuong	14,104,000,000	-	16,210,000,000	-
Mr. Do Van Quang	37,171,500,000	-	-	-
Total	100,611,937,365	-	99,529,364,637	-

⁽ⁱ⁾ These represent receivables under Contract dated 30 December 2025 for the transfer of 108 Truong Thanh shares. During the period, Truong Thanh Land made an additional payment of VND 1,100,000,000 to the Company; the remaining amount was agreed by both parties to be converted into a loan given with effect from 29 June 2026 (see Note V.2a)

⁽ⁱⁱ⁾ These represent receivables from individuals for share transfer, details are as follows:

Name	Date of transfer agreement	Type of shares transferred	Payment deadline
Mr. Pham Tien Quan	25 December 2024	3,800,000 shares in Truong Thanh Binh Dinh JSC.	Within 09 months from the date of signing the contract; extended to no later than 25 September 2026
Mr. Le Hoang Bao	5 June 2024	2,000,000 shares in 108 Truong Thanh	Within 90 days from the date of signing the contract; extended to no later than 6 July 2027
Mr. Le Quoc Cuong	26 June 2025	950,000 shares in 108 Truong Thanh	Within 300 days from the date of signing the contract; extended to no later than 22 April 2027
Mr. Do Van Quang	26 June 2026	2,410,000 shares in 108 Truong Thanh	Within 12 months from the date the contract comes into effect

These receivables are secured by the entire number of shares sold until the purchaser has fulfilled their payment obligations to the Company.

From 1 July 2026 until the date of preparation of the Interim Financial Statements, customers who purchased shares have paid the Company VND 200,000,000.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)**4. Short-term prepayments to suppliers**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Prepayments to related parties</i>	<i>41,230,000,000</i>	<i>41,230,000,000</i>
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41,230,000,000	41,230,000,000
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<i>1,314,472,520</i>	<i>1,312,765,353</i>
Dacinco Construction Investment Limited Company ⁽ⁱⁱ⁾	1,164,817,065	1,164,817,065
Khoi Construction and Trading Co., Ltd.	-	-
Prepayments to other suppliers	149,655,455	147,948,288
Total	42,544,472,520	42,542,765,353

Of which:

Prepayments for the acquisition of fixed assets and investment properties

-

-

- (i) This represents the prepayment under Contract dated 30 January 2024 to acquire 3,100,000 shares in Truong Thanh Energy JSC. ("TTP"). At the reporting date, these shares had not yet been released from pledge by B.Grimm; TTVN and B.Grimm are continuing to work on the release from pledge and the sale of shares to the Company, but have not yet reached a final agreement.
- (ii) This represents the prepayment under Construction Contract dated 19 May 2022 for the construction of technical infrastructure at the Bai Xep holiday villa complex in Ghenh Rang Ward, Quy Nhon City, Binh Dinh Province. The project commenced on 25 May 2022. At the reporting date, the project was in the process of being restarted.

5. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Book value	Allowance	Book value	Allowance
Mr. Vuong Thanh Nam – Loan interest income from entrusted investment deposits ⁽ⁱ⁾	2,353,041,096	-	2,373,041,096	-
Deposits	10,150,000	-	10,150,000	-
Advances	2,709,782,443	-	2,711,782,443	-
Tran Nguyen Anh Tuan ⁽ⁱⁱ⁾	1,621,782,443	-	1,621,782,443	-
Nguyen Thi Quynh Anh ⁽ⁱⁱ⁾	1,055,000,000	-	1,055,000,000	-
Other individuals	33,000,000	-	35,000,000	-
Other receivables	75,459,521	-	75,459,521	-
Total	5,148,433,060	-	5,170,433,060	-

- (i) These represent receivables arising from investment trust arrangements, which were recovered in 2025. Interest payments will be made by the trustee in the 4th quarter of 2026.
- (ii) These represent advances made to Mr. Tran Nguyen Anh Tuan for the purpose of the Hoa Hoi O&M project and to Ms. Nguyen Thi Quynh Anh for the purpose of preparing the Pre-Feasibility Study Report for the V3-6 Wind Power Plant Project. These amounts have not been repaid during the period, as the survey work has not yet been completed and the feasibility assessment report for the project has not yet been prepared.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

6. Other current assets

This represents a 3-month term deposit at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV"), with an interest rate of 4.5% per annum, which has been pledged to secure all of the Company's obligations to BIDV, including the guarantee obligation for the performance of the Operation and Maintenance Service Contract for the Hoa Hoi Solar Power Plant with Phu Yen TTP JSC. - Phu Yen Branch until 30 June 2027.

At the end of the accounting period, the deposit had a principal balance and accrued interest income of VND 2,100,000,000 and VND 13,391,096, respectively (beginning balance: VND 2,100,000,000 and VND 12,686,301). The Board of Management assesses that this deposit will be released within 12 months of the end of the accounting period.

7. Tangible fixed assets

	Means of transportation	Office equipment	Total
Historical costs			
Beginning balance	10,466,412,096	37,500,000	10,503,912,096
Liquidation and disposal (*)	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Ending balance	9,047,877,551	37,500,000	9,085,377,551
<i>Of which:</i>			
Assets fully depreciated but still in use	889,372,273	37,500,000	926,872,273
Assets waiting for liquidation			
Accumulated depreciation/amortization			
Beginning balance	4,680,039,299	37,500,000	4,717,539,299
Depreciation during the period	407,925,270	-	407,925,270
Liquidation and disposal (*)	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Ending balance	3,669,430,024	37,500,000	3,706,930,024
Net book value			
Beginning balance	5,786,372,797	-	5,786,372,797
Ending balance	5,378,447,527	-	5,378,447,527
<i>Of which:</i>			
Assets temporarily not in use			
Assets waiting for liquidation			

(*) During the period, the Company conducted liquidation of a Toyota Camry 2.5Q car, with historical cost of VND 1,418,534,545 and a carrying amount of VND 0; the liquidation price was VND 280,909,091.

At the end of the accounting period, the list of tangible fixed assets was as follows:

	Historical cost	Accumulated depreciation	Net book value
Mercedes GLS 450 car	5,700,105,278	(2,042,537,739)	3,657,567,539
Audi Q5 car	2,458,400,000	(737,520,012)	1,720,879,988
Toyota Innova 8-seater car	889,372,273	(889,372,273)	-
Other tangible fixed assets	37,500,000	(37,500,000)	-
Total	9,085,377,551	(3,706,930,024)	5,378,447,527

Tangible fixed assets used as collateral

All tangible fixed assets, comprising cars with a net book value of VND 5,378,447,527, have been pledged as collateral for the Company's bank loans.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

8. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
Thien An Electric JSC.	1,738,800,000	2,268,000,000
Huy Hung Security Service JSC.	928,740,000	1,211,400,000
HT Vietnam Trade and Communication Services Co., Ltd.	937,181,000	1,022,410,000
Payables to other suppliers	387,898,815	378,652,789
Total	3,992,619,815	4,880,462,789

Of which:

Trade payables for the acquisition, construction of fixed assets and investment properties

-

The Company has no overdue trade payables.

9. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance	Amount payable during the period	Amount already paid during the period	Ending balance
VAT on local sales	494,720,609	233,030,712	(92,146,370)	635,604,951
Corporate income tax	307,095,407	1,858,596,909	(1,535,468,593)	630,223,723
Personal income tax	46,081,238	110,298,831	(95,093,513)	61,286,556
Other taxes	27,250,379	-	-	27,250,379
Total	875,147,633	2,201,926,452	(1,722,708,476)	1,354,365,609

Value added tax ("VAT")

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method, at the tax rates of 8% and 10%.

Corporate income tax ("CIT")

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

	Current period	Previous period
Total accounting profit before tax	17,744,086,910	2,099,394,522
Increases/ (decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- <i>Increases</i>	261,548,246	507,503,953
- <i>Decreases</i>	261,548,246	507,647,173
	-	(143,220)
Income subject to tax	18,005,635,156	2,606,898,475
Tax losses carried forward (*)	(8,712,650,613)	-
Taxable income	9,292,984,543	2,606,898,475
CIT rate	20%	20%
CIT payable	1,858,596,909	521,379,695

(*) All taxable losses incurred in 2025 have been utilized to carry forward losses in the current period.

The CIT liability of the Company is determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Interim Financial Statements could change when being inspected by the Tax Authorities.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

Other taxes

The Company declares and pays these taxes in line with the prevailing regulations.

10. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>310,000,000</i>	<i>310,000,000</i>
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. ("TTVN") ^(*)	310,000,000	310,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>215,296,865</i>	<i>83,665,873</i>
Trade Union's expenditure	76,081,970	41,060,970
Social insurance, health insurance and unemployment insurance premiums	95,430,400	-
Other short-term payables	43,784,495	42,604,903
Total	<u>525,296,865</u>	<u>393,665,873</u>

^(*) This represents the payable for the 2023 dividends of 3,100,000 TTP shares which have not been transferred the ownership to the Company (Note V.4). This dividend will be recorded as a deduction in the investment value in TTP when TTVN completes the transfer of the share ownership to the Company.

The Company has no other overdue payables.

11. Borrowings**11a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Short-term loans from Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank ⁽ⁱ⁾	565,593,514	-
Current portions of long-term loans from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (see Note V.11b)	870,000,000	870,000,000
Total	<u>1,435,593,514</u>	<u>870,000,000</u>

⁽ⁱ⁾ This represents a loan under Credit Facility Agreement dated 2 June 2026, with a limit term of 12 months from the effective date of the agreement, for the purpose of supplementing working capital to cover employees' salaries at the Company. The Credit Facility Agreement is guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party).

Details of short-term borrowings are as follows:

	<u>Short-term loans from banks</u>	<u>Current portions of long-term loans</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	-	870,000,000	870,000,000
Amount of loans incurred	565,593,514		565,593,514
Transfer from long-term loans	-	435,000,000	435,000,000
Amount of loan repaid	-	(435,000,000)	(435,000,000)
Ending balance	<u>565,593,514</u>	<u>870,000,000</u>	<u>1,435,593,514</u>

11b. Long-term borrowings

These represent loans from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Tay Ho Branch, under Credit Agreements dated 12 December 2022 and 9 June 2023, for the purpose of purchasing cars to support production and business operations. The loan amounts and

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

terms are VND 3,700,000,000 over 84 months and VND 1,700,000,000 over 60 months, respectively. The interest rates are 9.9% and 8.5% per annum, respectively, for the first 12 months from the date of disbursement; thereafter, the lending rate shall be equal to the bank's 12-month post-maturity VND personal savings rate plus a margin of 3.5% per annum, subject to adjustment every 6 months. Loans are secured by assets financed by the loan.

The Company has solvency to repay long-term borrowings.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	870,000,000	870,000,000
Over 1 year to 5 years	1,612,000,000	2,047,000,000
Total	2,482,000,000	2,917,000,000

Details of increases/ (decreases) in long-term borrowings during the period are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	2,047,000,000	2,917,000,000
Transfer to short-term loans	(435,000,000)	(435,000,000)
Ending balance	1,612,000,000	2,482,000,000

12. Owners' equity**12a. Statement of changes in owners' equity**

	<u>Owners' contribution capital</u>	<u>Capital surplus</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
Beginning balance of the previous year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	29,625,374,648	1,241,158,539,887
Profit of the period	-	-	1,578,014,827	1,578,014,827
Ending balance of the previous period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	31,203,389,475	1,242,736,554,714
Beginning balance of the current year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	18,575,276,087	1,230,108,441,326
Profit of the period	-	-	15,885,490,001	15,885,490,001
Ending balance of the current period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	34,460,766,088	1,245,993,931,327

12b. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	120,806,562	120,806,562
Number of ordinary shares already issued	120,806,562	120,806,562
Number of outstanding ordinary shares	120,806,562	120,806,562

Face value per outstanding share: VND 10,000.

13. Off-Interim Statement of Financial Position items**13a. Leased assets**

The total future minimum lease payments under irrevocable operating leases, by term, are as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	806,353,920	787,968,000
Over 1 year to 5 years	3,418,467,840	3,377,756,160
Over 5 years	2,310,584,400	2,763,666,000
Total	6,535,406,160	6,929,390,160

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

The operating lease payments above represent office rental at the Sun Grand City Ancora Residence building (located at No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung, Hanoi), which the Company has leased under an operating lease. The leased area is 180 m² with a lease term of 10 years from 1 January 2024. The rent is as follows:

Year	Rental rate (VND/m ² /month)	Management service fees (VND/m ² /month)
From 2024 to the end of 2026	243,200	121,600
From 2027 to the end of 2028	260,224	121,600
From 2029 to the end of 2030	278,464	121,600
From 2031 to the end of 2032	297,920	121,600
Year 2033	318,835	121,600

13b. Assets received as pledges, mortgages and guarantees

The Company's assets received as pledges, mortgages and guarantees relating to loans, receivables, transfer of shares and business cooperation contracts are set out in the relevant Notes, including:

Form of security	Obligation secured	Reference
Pledge/mortgage of shares	Loans and receivables arising from the transfer of shares	Notes V.2a, V.3
Guarantee provided by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party)	Loans and investment cooperation	Notes V.2a, V.2b

13c. Pledged and mortgaged assets

	Book value		Term of pledge or mortgage	Pledgee or mortgagee
	Ending balance	Beginning balance		
Other non-current assets (see Note V.6)	2,113,391,096	2,112,686,301	12 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Tangible fixed assets (see Note V.7)	5,378,447,527	5,786,372,797	60 months – 84 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Total	7,491,838,623	7,899,059,098		

13d. Foreign currencies

At the end of the accounting period, the Company's cash and cash equivalents amounted to USD 86.80 (beginning balance: USD 86.80).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM STATEMENT OF INCOME**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Revenue from rendering of services for solar power plant operation and maintenance	11,781,818,182	12,956,389,092
Revenue from rendering of other services	506,666,666	742,222,222
Total	12,288,484,848	13,698,611,314

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Sales of merchandise and rendering of services to related parties are set out in Note VIII.1b.

2. Costs of sales

The entire cost of sales for the period comprises outsourcing costs for the operation and maintenance of the solar power plant.

3. Financial income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Interests from loans and bank deposits	2,757,885,660	3,449,035,819
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	143,220
Gain on transfer of long-term investments	16,138,800,000	2,893,700,000
Total	18,896,685,660	6,342,879,039

4. Financial expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Borrowing costs	127,808,859	389,750,217
Additional provision/(reversal of provision) for impairment of investments	(1,238,046,708)	1,712,269,764
Total	(1,110,237,849)	2,102,019,981

5. General and administration expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	4,480,294,401	3,919,365,797
Materials and office supplies	59,528,740	46,865,952
Depreciation/amortization of fixed assets	407,925,270	407,925,267
Taxes, fees and legal fees	-	4,000,000
Expenses for external services	241,785,901	248,449,393
Other expenses	892,064,882	746,405,782
Total	6,081,599,194	5,373,012,191

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Interim Financial Statements

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

6. Other income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Gain on liquidation of fixed assets	280,909,091	-
Other income	-	106
Total	280,909,091	106

7. Earnings per share ("EPS")

Information on EPS is presented in the Interim Consolidated Financial Statements.

8. Operating costs by factors

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	4,480,294,401	3,919,365,797
Depreciation/amortization of fixed assets	407,925,270	407,925,267
Expenses for external services	8,978,794,261	10,455,791,247
Other expenses	951,593,622	797,271,734
Total	14,818,607,554	15,580,354,045

VII. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM STATEMENT OF CASH FLOWS**1. Cash and cash equivalents held by the Company that are not restricted on their use**

Cash and cash equivalents subject to restrictions on use are presented under the item "Other current assets" (see Note V.6).

2. Non-cash transactions

During the period, the Company converted a receivable for the transfer of shares in Truong Thanh Land Group JSC. into a loan, amounting to VND 33,500,000,000 (see Note V.2a).

VIII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Company include: the key management personnel, the key management personnel's related individuals, and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key management personnel and their related individuals

The key management personnel include the members of the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS"), the Executive Officers (the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant). The key management personnel's related individuals are their close family members.

The Company has not entered into any transactions or outstanding balances with the key management personnel or their related individuals.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)*Compensation of the key management personnel*

	Position	Salary	Remuneration	Total compensation
Current period				
Mr. Dang Trung Kien	BOD Chairman	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Dang Bich Thuy	Head of BOS	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Le Thuy Linh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Ms. Vuong Thi Oanh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	591,174,000	-	591,174,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	241,200,000	-	241,200,000
Total		832,374,000	156,000,000	988,374,000
Previous period				
Mr. Dang Trung Kien	BOD Chairman	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Hoang Manh Huy	BOD Member cum General Director	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Akahane Seiji	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Hoang Dinh Loi	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Dao Thi Thanh Hien	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Head of BOS	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Pham Duy Hoan	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	345,600,000	-	345,600,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	208,200,000	-	208,200,000
Total		553,800,000	210,000,000	763,800,000

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)**1b. Transactions and balances with other related parties**

Other related parties of the Company include:

Name	Relationship
Truong Thanh Energy JSC. ("TTP")	Subsidiary level 1
Onsen Hoi Van Limited Liability Company ("Onsen HV")	Subsidiary level 1
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company	Subsidiary level 1
TTP Tra Vinh JSC. ("TTP Tra Vinh")	Subsidiary level 2
Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC.	Subsidiary level 2 (until 31 May 2026)
Green Lotus Solar Electric JSC.	Subsidiary level 2 (until 31 May 2026)
Nhon Tan 1 Solar Electric One Member Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Nhon Tan 2 Solar Electric One Member Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Nhon Tan 5 Solar Electric One Member Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Aquila Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Lyra Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Vega Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
Vela Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	Subsidiary level 3 (until 31 May 2026)
108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Associate (until 26 June 2026)
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	Major shareholder
Truong Thanh Land Group JSC.	Related party of major shareholder
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	Entity with the same key management personnel
Phu Yen TTP JSC.	Entity with the same key management personnel
Mr. Le Hoang Bao	BOM Member of Onsen Hoi Van Limited Liability Company

Transactions with other related parties

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Phu Yen TTP JSC.		
Revenue from rendering of services	11,781,818,182	12,956,389,092
Onsen Hoi Van Limited Liability Company		
Revenue from rendering of services	506,666,666	642,222,222
Truong Thanh Energy JSC.		
Revenue from rendering of services	-	100,000,000
Truong Thanh Land Group JSC.		
Loan given	51,500,000,000	-
Loan interest receivable	28,219,178	-

Guarantee commitment from related parties

Truong Thanh Viet Nam Group JSC. has used its legal assets to guarantee the Company's loans at Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank, with the outstanding principal and interest, together with any financial obligations arising from this principal, amounting to a maximum of VND 2 billion (see Note V.11a).

Outstanding balances with other related parties

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.2a; V.3, V.4 and V.10.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

Apart from receivables secured by collateral or guaranteed as set out in Note V.3, receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The business activities of the Company during the period include providing services, all of which are conducted within the territory of Vietnam. Therefore, the Company does not present segment reporting by business segments or geographical segments in the Interim Financial Statements.

3. Comparative figures

Comparative figures are presented in accordance with the Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2025 to 30 June 2025 and the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025, which were review and audited, respectively.

Certain figures have been adjusted and restated due to: (i) the application of the provisions of Circular 99 relating to the presentation of Financial Statements (see Note III.1); and (ii) the retrospective adjustment of the 2025 figures due to the addition of provisions for impairment of investments and the related corporate income tax implications. Details are as follows:

	Code	Figures before adjustment	Adjustments	Adjusted figures	Notes
<i>Interim Statement of Financial Position</i>					
Cash equivalents	112	2,100,000,000	(2,100,000,000)	-	(i)
Short-term held-to-maturity investments	123	-	55,042,315,068	55,042,315,068	(ii), (iii)
Loans		50,740,000,000	(50,740,000,000)	-	(ii)
Other short-term receivables	135	9,485,434,429	(4,315,001,369)	5,170,433,060	(iii), (iv)
Other current assets	165	-	2,112,686,301	2,112,686,301	(i), (iv)
Other long-term receivables	215	45,001,450,000	(45,000,000,000)	1,450,000	(v)
Investments in other entities	263	340,939,570,000	45,000,000,000	385,939,570,000	(v)
Provisions for impairment of long-term investments in other entities	264	(13,899,648,622)	(16,389,993,579)	(30,289,642,201)	(vi)
Short-term taxes and other obligations to the State Budget	314	2,410,616,227	(1,535,468,594)	875,147,633	(vii)
Retained earnings	420	33,429,801,072	(14,854,524,985)	18,575,276,087	(vi), (vii)
(i) Restating the 3-month term deposit subject to restrictions on use from the item "Cash equivalents" to the item "Other current assets".					
(ii) Restating the loan principal receivable from the item "Loans" to the item "Held-to-maturity investments".					
(iii) Restating the accrued interest income on loans from the item "Other short-term receivables" to the item "Held-to-maturity investments", amounting to VND 4,302,315,068.					
(iv) Restating accrued interest income of 3-month term deposit subject to restrictions on use from the item "Other short-term receivables" to the item "Other current assets", amounting to VND 12,686,301.					

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

- (v) Restating BCC without joint control, enjoying profit based on operating results, from the item "Other long-term receivables" to the item "Investments in other entities".
- (vi) Making an additional provision for impairment of investments in Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC. as at 31 December 2025. ^(*)
- (vii) Adjusting the CIT payable and retained earnings due to the impact of the additional provision referred to in (vi) ^(*).

^(*) On 27 April 2026, after the Company's 2025 Financial Statements had been published, the Company received the audited 2025 Financial Statements of Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC., which showed that these companies had incurred losses in the year 2025. As this information had a material impact on the determination of the provision for impairment of investments as at 31 December 2025, the Company made retrospective adjustments to the 2025 figures in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 29 – "Changes in Accounting Policies, Accounting Estimates and Errors".

4. Significant accounting estimates and assumptions

The preparation of the Interim Financial Statements in compliance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements applicable to the preparation and presentation of Interim Financial Statements requires the Executive Officers to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets and liabilities and the disclosure of contingent liabilities and contingent assets at the end of the accounting period, as well as the reported amounts of revenue and expenses during the period. Actual results may differ from these estimates and assumptions.

The estimates and assumptions that have a material effect on the Interim Financial Statements include:

- Allowance for doubtful debts (Note V.3);
- Provisions for impairment of loans (Note V.2a)
- Provisions for impairment of investments in other entities (Note V.2b)
- The above estimates and assumptions are made by the Executive Officers based on the best information and experience currently available and are reviewed and reassessed at each reporting date. At the end of the accounting period, based on its assessment of the uncertainties associated with these estimates and assumptions, the Executive Officers have determined that there are no material matters requiring additional disclosure regarding the potential effects, the likelihood of different outcomes, or the measures expected to be taken in the subsequent accounting period. The Executive Officers ensure that the bases and methods used to determine the accounting estimates for the current period are applied consistently with those used in preparing the most recent annual Financial Statements or the Interim Financial Statements for the corresponding period of the previous year, with no material changes during the period.

5. Subsequent events

On 8 July 2026, the Company's Board of Directors issued Resolution No. 13/2026/NQ-HDQT regarding the capital contributed to establish Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company in Ho Chi Minh City, Vietnam, with a charter capital of VND 25 billion (corresponding to 2,500,000 shares, with a face value of VND 10,000 per share). Among these, the Company plans to contribute VND 15 billion, representing 60% of this company's charter capital. Other shareholders are expected to include Truong Thanh Energy JSC. and Truong Thanh Green Technology JSC.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Financial Statements (cont.)

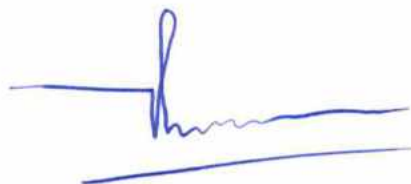
Apart from the event mentioned above, from the end of the accounting period to the date of approval on the Financial Statements, there have been no material events arising, which need to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Interim Financial Statements.

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director

Prepared by

Chief Accountant



Bui Thanh Thanh Hien



Nguyen Thi Hoa Vy



Hoang Manh Huy



Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (Trước đây là công ty Cổ phần Năng lượng và bất động sản Trường Thành - mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng.

Bằng công văn này, chúng tôi xin giải trình về sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	Tăng/Giảm	Tỷ lệ % Tăng/giảm
I/ Doanh thu hoạt động tài chính	18.896.685.660	6.342.879.039	12.553.806.621	197,92%
II/ Chi phí tài chính	(1.110.237.849)	2.102.019.981	(3.212.257.830)	N/A
III/ Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.885.490.001	1.578.014.827	14.307.475.174	906,68%

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 đạt 15.885.490.001 đồng, tăng 14.307.475.174 đồng, tương ứng tăng 906,68% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động tài chính tăng 12.553.806.621 đồng, tương ứng tăng 197,92% so với cùng kỳ năm 2025; đồng thời chi phí tài chính giảm 3.212.257.830 đồng so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tteg.vn

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TCĐT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Mạnh Huy

No: ~~76~~ /2026/CV-TTEG

V/v: Explanation for the Difference in Profit After Tax in the
Separate Financial Statements for the First Six Months of 2026
Compared to the Same Period of 2025

Ha Noi, ~~August 28~~ 2026

TO :

- STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly known as Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company – stock code: TEG) respectfully extends our greetings to the State Securities Commission of Vietnam and Ho Chi Minh Stock Exchange.

By this letter, the Company would like to provide an explanation regarding the difference in Profit After Corporate Income Tax for the first six months of 2026 compared with the same period of 2025 as presented in the Company's Separate Interim Financial Statements, as follows:

Unit: VND

Items	First six months of 2026	First six months of 2025	Increase/ Decrease	Rate % Increase/ Decrease
I/ Finance income	18,896,685,660	6,342,879,039	12,553,806,621	197.92%
II/ Finance costs	(1,110,237,849)	2,102,019,981	(3,212,257,830)	N/A
III/ Profit After Corporate Income Tax	15,885,490,001	1,578,014,827	14,307,475,174	906.68%

Profit after CIT for the first six months of 2026 reached VND 15,885,490,001, an increase of VND 14,307,475,174, equivalent to an increase of 906.68% compared to the corresponding period of 2025. This increase was mainly attributable to an increase in financial income of VND 12,553,806,621, equivalent to 197.92%, compared to the corresponding period of 2025; and a decrease in financial expenses of VND 3,212,257,830.

The above is the explanation of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company regarding the variance in Profit after CIT presented in the Separate Financial Statements for the first six months of 2026 compared to the corresponding period of 2025.

The Company hereby confirms that the information disclosed herein is true and accurate and assumes full responsibility before the law for the contents of this disclosure.

Website address posting full financial reports: www.tteg.vn 

Best regards!

Recipient:

- As above
- Storage: Financial Department


General Director 
Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Số: 91 /2026/CV-TTEG

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (Trước đây là công ty Cổ phần Năng lượng và bất động sản Trường Thành - mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng !

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần Trường Thành Energy xin giải trình về sự thay đổi Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2026 trên Báo cáo tài chính riêng giữa số liệu trước và sau kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Tăng/Giảm	Tỷ lệ % Tăng/giảm
I/ Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.030.965.016	15.885.490.001	14.854.524.985	1.440,84%

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 sau kiểm toán đạt 15.885.490.001 đồng, tăng 14.854.524.985 đồng, tương ứng tăng 1.440,84% so với số liệu trước kiểm toán.

Nguyên nhân chủ yếu do điều chỉnh hồi tố khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư. Tại thời điểm lập và phát hành BCTC kiểm toán năm 2025, Công ty chưa nhận được đầy đủ BCTC của một số đơn vị được đầu tư nên chưa có đầy đủ cơ sở để xác định khoản dự phòng tại thời điểm 31/12/2025.

Sau khi nhận được BCTC của các đơn vị được đầu tư, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng trong Quý II/2026. Trong quá trình kiểm toán, khoản dự phòng này được xác định thuộc về năm 2025 và được điều chỉnh hồi tố vào số liệu năm 2025, trình bày lại tại cột số đầu năm trên BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026 đã được kiểm toán. Việc điều chỉnh hồi tố dẫn đến thay đổi số liệu đầu kỳ và các chỉ tiêu liên quan trên BCTC, qua đó làm thay đổi Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 sau kiểm toán.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ trên BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026.



Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tteg.vn 

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TCĐT

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Hoàng Mạnh Huy



**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

No: 9.1 /2026/CV-TTEG

*V/v: Explanation of the Variance in Profit After Tax Before
and After Audit and Retrospective Adjustment of Opening
Balances in the Separate Financial Statements for the First
Six Months of 2026*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom – Happiness

Ha Noi, August 28 2026

TO :

- **STATE SECURITIES COMMISSION**
- **HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE**

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly known as Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company – stock code: TEG) respectfully extends our greetings to the State Securities Commission of Vietnam and Ho Chi Minh Stock Exchange.

By this letter, Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company would like to provide an explanation for the change in Profit after Corporate Income Tax (“CIT”) for the first six months of 2026 in the Company’s Separate Financial Statements between the figures before and after the audit, as follows:

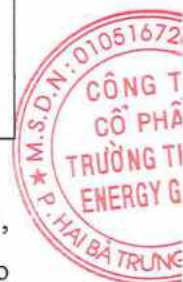
Unit: VND

Description	Before audit	After audit	Increase/ Decrease	Rate % Increase/ Decrease
I/ Profit after Corporate Income Tax	1,030,965,016	15,885,490,001	14,854,524,985	1,440.84%

Profit after CIT for the first six months of 2026 after the audit reached VND 15,885,490,001, representing an increase of VND 14,854,524,985, equivalent to an increase of 1,440.84% compared to the figures before the audit.

The increase was mainly attributable to the retrospective adjustment of provisions for investments. At the time of preparing and issuing the audited Financial Statements for 2025, the Company had not yet received complete financial statements from certain investee entities and therefore did not have sufficient information and basis to determine the provision as at 31 December 2025.

After receiving the financial statements from the investee entities, the Company recognized the provision in the second quarter of 2026. During the audit process, the provision was determined to relate to 2025 and was therefore retrospectively adjusted to the 2025 figures and presented in the opening balance column of the audited Separate Financial Statements for the first six months of 2026. The



retrospective adjustment resulted in changes to the opening balances and related financial statement items, thereby affecting the Profit after CIT for the first six months of 2026 after the audit.

The above is the explanation of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company regarding the variance in Profit after CIT in the Company's Separate Financial Statements for the first six months of 2026 before and after the audit.

The above is the explanation provided by Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company regarding the variance in Profit After Corporate Income Tax and the retrospective adjustment in the Separate Financial Statements for the first six months of 2026.

Website address posting full financial reports: www.tteg.vn 

Best regards!

Recipient:

- *As above*
- *Storage: Financial Department*



General Director 

Hoang Manh Huy

